

Bản án: 594/2019/HC-PT

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

V/v: “*Khởi kiện Quyết định hành chính
về việc bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất ,
Quyết định giải quyết khiếu nại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Phan Đức Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2018/TLST-HC ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa ra vụ án xét xử sơ thẩm số 1842/2019/QĐPT-HC ngày 08/8/2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Sầm H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp 1, xã L`âm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1954, có mặt;

Địa chỉ: ấp 1, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Luật sư Lê Minh Q-
Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Người bị kiện: .

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn C- Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền số 10876/UBND-NC ngày 14/11/2016), vắng mặt;

Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Lê Thanh Hải V- Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Cẩm Mỹ

3. Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Suối Cỏ, xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ: Ông Nguyễn Đại T1- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Mỹ, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1954.
2. Ông Sầm T2, sinh năm 1973.
3. Bà Sầm Ngọc A, sinh năm 1979.
4. Bà Sầm Thị Ngọc H1, sinh năm 1980.
5. Ông Sầm Quốc T3, sinh năm 1994.
6. Bà Sầm Thị Thủy T4, sinh năm 1996.
7. Bà Sầm Thị Ngọc H2, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của ông T2n, bà A, bà H1, ông T3, bà T3, bà H2: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1954, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Sầm H và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - ông Sầm H do bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Sầm H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

+ 01 phần Quyết định 4607/QĐ-UBND ngày 25/2/2007, 01 phần Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ do thu hồi đất đối với hộ ông Sầm H; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

+ Quyết định giải quyết khiếu nại số 377/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

Lý do ông Hyêu cầu hủy các quyết định trên:

- Xác định sai vị trí đất:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/04/2012 của Bộ Công an về khái niệm khu dân cư; Công văn số 3023/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 11/08/2010. Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã hướng dẫn khi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai xin ý kiến về việc xác định khu dân cư; đồng thời đối chiếu lịch sử hình thành, phát triển của huyện Cẩm Mỹ thì diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi là đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư.

Gia đình ông có nhà trên đất ở nông thôn (300m² đất thổ cư) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 244622 đã được UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 01/3/1997. Tại Báo cáo số 105/BC-TTPQĐ ngày 26/12/2011 của Trung tâm ' Phát triển quỹ đất huyện cẩm Mỹ báo cáo về lập hồ sơ hỗ trợ bổ sung cũng đã xác định “Nhu vậy, trong tổng số 372 hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị thu hồi đất thực hiện dự án có 202 hộ có nhà ở trên đất nông nghiệp, đủ điều kiện hỗ trợ đất nông nghiệp xen trong khu dân cư theo ý kiến chỉ đạo của thủ tướng chính phủ tại công văn số 8325/VPCP-KNTN ngày 22/11/2011”.

Ngoài ra, tại khoản 1 Phần II của thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP cũng đã hướng dẫn rất rõ “Nếu khu đất có từ 1 đến 3 yếu tố về khoảng cách liền kề, hoặc gần nhất so với nơi cư trú của người sử dụng đất, thị trường tiêu thụ nông sản phẩm, đường giao thông nhưng có một hoặc một số yếu tố lợi thế đối với sản xuất nông nghiệp chỉ đạt mức trung bình, hoặc dưới mức trung bình

vẫn được phân thành vị trí số 5 trong khi đó đất bị thu hồi của gia đình ông có nhà ở ngay trên đất canh tác, có điều kiện tưới tiêu tốt (gần sông, suối, ao, hồ), đất bị thu hồi có đường giao thông liên xã kết nối với hệ thống giao thông liên huyện, liên tỉnh nên việc tiêu thụ nông sản phẩm cũng rất thuận tiện.

Như vậy, dù đất bị thu hồi của gia đình ông nằm ở vị trí 3, song do đất trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm lại nằm trong khu dân cư hiện hữu (sống thành cụm dân cư, có nhà ở tập trung, có ấp văn hóa, có tổ an ninh, không nằm riêng lẻ, tách biệt) nên đủ điều kiện để được bồi thường mức giá đất như đất trồng cây lâu năm ở vị trí số 1 khu vực cùng xã theo Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chương III Điều 6).

- Không hỗ trợ 30% giá đất ở liền kề đối với toàn hộ diện tích nhà, đất bị thu hồi theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004.

Do đất nông nghiệp bị thu hồi nằm xen kẽ khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp, gia đình ông còn phải được nhận hỗ trợ theo mức 30% giá đất ở liền kề theo Quyết định số 3061/2005/QĐ-UBND ngày 30/08/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Báo cáo kết luận số 1345/BC-TTCTP ngày 01/06/2011 của Thanh Tra Chính phủ cũng đã kiến nghị Thủ Tướng Chính Phủ cho phép các hộ dân có nhà ở riêng lẻ trên đất nông nghiệp bị thu hồi được hỗ trợ đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP và đã được Thủ Tướng Chính Phủ chấp thuận theo Công văn số 3930/VP-CP-KNNN ngày 15/06/2011. UBND tỉnh Đồng Nai tại Công văn số 7232/UBND-NC ngày 21/10/2011 báo cáo Thủ Tướng Chính Phủ xin phép được giải quyết chính sách nay cho các hộ dân có nhà ở riêng lẻ trên đất bị thu hồi thuộc Dự án hồ chứa nước Sông Ray của tỉnh Đồng Nai tương tự như đã được Thủ Tướng Chính Phủ cho cho phép tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tại Công văn số 8325/VPCP-KNNN ngày 22/11/2011 Thủ Tướng Chính Phủ đã chấp thuận đề xuất này của UBND tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay gia đình ông vẫn chưa được hỗ trợ 30% giá đất ở liền kề đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi.

- Việc áp giá đền bù đối với đất ở bị thu hồi không đúng quy định: Tại Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 và ngay tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 05/08/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án hồ chứa nước Sông Ray đã quy định rất cụ thể: Giá bồi thường, hỗ trợ đối với đất ở nông thôn vị trí 3 là 150,000đ/m². Thế nhưng UBND huyện Cẩm Mỹ chỉ áp giá đền bù, hỗ trợ đối với 300m² đất ở bị thu hồi của gia đình ông Hải là 80.000đ/m² là trái quy định của pháp luật, là gây thiệt hại quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình.

- Việc bồi thường, hỗ trợ cây trồng không thỏa đáng với thực tế chi phí và công sức đã đầu tư: Việc căn cứ Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 14/02/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai để áp giá đền bù cây trồng cho các hộ là đúng quy định nhưng chưa thật sự hợp lý, và thiếu khoa học. Bởi chi phí để chăm sóc, trồng cây lâu năm từ lúc còn cây giống đến khi cho thu hoạch phải là từ 02 đến 04 năm. Đây không phải là khoảng thời gian ngắn và cũng trong thời gian này gia đình ông không hề có một khoản thu lợi nào từ vườn cây, mà còn phải bỏ công chăm sóc, tưới tiêu phân bón. Do đó, nên chỉ tính giá trị của 01 năm kể từ lúc bắt đầu Thu hoạch là không tương xứng với thời gian, chi phí và công sức lao động mà gia đình đã bỏ ra.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ và Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ do người đại diện trình bày:

Thực hiện kế hoạch số 110/KH-HĐBT ngày 26/01/2007 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ dự án, từ ngày 01/02/2007 đến ngày 30/08/2007 tổ công tác điều tra đã ngoại tiến hành kiểm kê thực địa, lập biên bản kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản vật kiến trúc, cây trồng của hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi theo quy định.

Ngày 26/5/2007, tổ kiểm kê tiến hành kiểm kê hiện trạng tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên thửa đất số 207,208, 209 tờ bản đồ 04, diện tích 24.585 m² do hộ ông Sầm H sử dụng, sau khi kiểm kê xong đoàn và ông Sầm H thống nhất với kết quả kiểm kê, lập biên bản được các thành viên tham gia, chủ hộ và đại diện UBND xã Lâm San ký nhận.

Căn cứ các quy định của pháp luật và giấy tờ có liên quan của thửa đất và biên bản kiểm kê, đo đạc tài sản của người có tài sản (mẫu 2) do tổ công tác kiểm tra đã ngoại lập, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập bảng chiết tính giá trị bồi thường, tổng hợp trình Hội đồng thẩm định tỉnh thẩm định và được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 4607/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 (đợt 1) với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Sầm H là: 767.578.000đ.

Ngày 25/01/2008 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện phối hợp với Ngân hàng NN&TPNN chi nhánh Sông Ray, UBND xã Lâm San tiến hành chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ đợt 1 cho ông H: 755.478.000đ còn lại 12.100.000đ tạm giữ lại do vượt mật độ cây nhãn.

Ngày 18/6/2008, chi trả thêm cho ông H 6.650.000đ bổ sung về cây trồng trên có sở xác định mật độ cây nhãn được bồi thường là 500/ha

Tuy nhiên, trong thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2008.

Ngày 07/10/2008 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập phương án bồi thường bổ sung theo giá đất năm 2008 trình Hội đồng thẩm định tỉnh thẩm định và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ giá đất bổ sung cho phù hợp với thời điểm chi trả tiền theo quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 12/11/2008 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện phoi hợp với ngân hàng NN và PTNT chi nhánh sông Ray, UBND xã Lâm San tiến hành chi trả toàn bộ số tiền bổ sung đợt 2 cho ông sấm H số tiền 197.137.500đ. Ông Sấm H đã nhận đủ số tiền trên.

Tuy nhiên, để hỗ trợ cho người dân có đất bị thu hồi đỡ phần khó khăn, UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản số 7232/UBND ngày 21/10/2011 về việc báo cáo xin ý kiến Chính phủ về giải quyết khiếu nại của các công dân ngụ tại huyện Cẩm Mỹ, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ: “Cho phép các hộ dân có nhà ở trên đất nông nghiệp phải thu hồi, được hỗ trợ đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/8/2007 và khoản 2, Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 01/12/2004 của Chính phủ ” (thuộc dự án hồ chứa nước Sông Ray), được Chính phủ chấp thuận tại công văn số 8325/VPVP-KNTN ngày 22/11/2011.

Ngày 05/12/2011 UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản số 8574/UBND-TCĐ về việc rà soát, lập hồ sơ phê duyệt hỗ trợ cho các hộ dân có đất bị thu hồi thực hiện công trình Hồ chứa nước Sông Ray tại huyện Cẩm Mỹ; Văn bản số 974/UBND-TH ngày 13/12/2011 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc lập hồ sơ hỗ trợ bổ sung cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để xây dựng hồ chứa nước Sông Ray; UBND huyện đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã Lâm San xác định hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ bổ sung 30% giá đất ở liền kề, lập bảng chiết tính hỗ trợ bổ sung, tổng hợp trình thẩm định và được UBND Huyện Cẩm Mỹ phê duyệt tại Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 07/05/2012 với tổng số tiền hỗ trợ cho ông sấm H: 58.500.000đ. Ông H đã nhận đủ số tiền hỗ trợ nêu trên.

Như vậy trình tự lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông sấm H bị thu hồi đất xây dựng công trình hồ chứa nước sông Ray, tại xã Sông Ray, Lâm san, huyện Cẩm Mỹ là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

Do không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện Cẩm Mỹ, hộ ông H có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, đơn khiếu nại của ông H đã bị Chủ tịch UBND huyện và Chủ tịch UBND tỉnh bác toàn bộ nội dung.

Người bị kiện - UBND tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai do người đại diện hợp pháp của trình bày:

Diễn biến vụ việc và quá trình giải quyết:

Ngày 04/7/2006, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 6677/QĐ-UBND thu hồi 5,104.779,6m² đất tại các xã Lâm San, Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ giao cho UBND huyện Cẩm Mỹ trực tiếp quản lý để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Hồ chứa nước Sông Ray.

Ngày 28/11/2007, UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 125/QĐ-UBND thu hồi tổng diện tích 24.585 m² đất do ông Sầm Hải đang sử dụng (trong đó có đất ở nông thôn 300m² và đất nông nghiệp 24.285 m²).

Căn cứ các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Hội đồng bồi thường huyện Cẩm Mỹ lập tờ trình và được UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án Hồ chứa nước Sông Ray tại Quyết định số 4607/QĐ-UBND ngày 25/12/2007, phê duyệt phương án hỗ trợ giá đất bổ sung tại Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 23/10/2008. Ông H đã nhận đủ số tiền bồi thường đất, cây trồng, tài sản trên đất.

Ngày 12/02/2009, ông Sầm H có đơn gửi UBND huyện Cẩm Mỹ khiếu nại yêu cầu được bồi thường đất theo vị trí 1, theo Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ, được hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, được bồi thường cây trồng, vật kiến trúc theo giá năm 2008, được hỗ trợ tiền thuê nhà, được tính thêm suất tái suất tái định cư hộ phụ và khiếu nại về việc bồi thường mất độ cây trồng (cây nhãn) không đầy đủ. Ngày 13/4/2009, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Sầm H.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ, ông H tiếp tục khiếu nại lần hai lên Chủ tịch UBND tỉnh với các nội dung sau:

“Yêu cầu bồi thường đất trồng cây lâu năm vị trí số 1 theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/2/2007 của Chính phủ.

“Yêu cầu được hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư theo Nghị Định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

- Yêu cầu được hỗ trợ tiền thuê nhà.

- Khiếu nại bồi thường mật độ cây nhãn không đủ.

Sau khi giao cho Thanh tra tỉnh thẩm tra xác minh và cá Báo cáo số 113/BC-TT ngày 24/7/2009; số 606/TT-XKT ngày 26/10/2009 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 bác nội dung khiếu nại của ông Sầm H.

Ý kiến giải trình đối với nội dung khởi kiện của ông Sầm H.

- Về nội dung ông H yêu cầu được hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/2/2007 của Chính phủ:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 4 Bảng quy định về giá các loại đất trên cha ban tỉnh Đồng Nai năm 2008 được ban hành kèm theo quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh, quy định phân loại vị trí đất nông nghiệp tại nông thôn như sau: “Vị trí 1: Từ mốc lộ giới đường quốc lộ, tỉnh lộ vào 200m Vị trí 2: Từ mốc lộ giới đường Hên huyện, liên xã vào 200m. Vị trí 3: Áp dụng cho các vị trí còn lại..

Theo kết quả ngày làm việc ngày 10/7/2009 giữa Thanh tra tỉnh với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Mỹ, xác định đất nông nghiệp của ông Sầm H là ở vị trí 3; theo biên bản làm việc ngày 03/8/2009 giữa Văn phòng đăng kí quyền sử dụng đất huyện với Thanh tra huyện Cẩm Mỹ xác định khu vực đất thu hồi để thực hiện dự án hồ chứa nước Sông Ray có điểm gần nhất so với mốc đường quốc lộ, tỉnh lộ là 312m và xa nhất là 3000m, đồng thời khu vực giải tỏa không có đường liên huyện, liên xã, chỉ có đường đất ra vào để sản xuất nông nghiệp và sản xuất hàng hóa nên không xác định vị trí 2. Hội đồng bồi thường huyện Cẩm Mỹ đã tính toán áp giá bồi thường đất nông nghiệp theo vị trí 3 cho ông Sầm H là đúng quy định.

- Về nội dung ông Sầm H yêu cầu được hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư theo Nghị Định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ:

- Căn cứ Điểm 4, Phần II thông tư số 11/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của chính phủ, quy định: “Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư phải là thửa đất nằm trong khu dân cư...” và Điểm 1, Mục VII Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/01/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số

84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của chính phủ qui định: “Diện tích được hỗ trợ theo quy định là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp; đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất thuộc khu vực sau: Trong phạm vi khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn mà ranh giới khu dân cư đã thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt...” theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của huyện Lâm Sơn được ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất số 1428/QĐ-UBND ngày 21/12/2001 của UBND huyện Xuân Lộc và quyết định điều chỉnh quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng chi tiết số 02/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND huyện Cẩm Mỹ, thì vị trí thửa đất của ông H thuộc quy hoạch đất nông nghiệp, UBND huyện Cẩm Mỹ xác định khu vực đất này không phải là khu dân cư.

- Về nội dung ông Hyêu cầu được hỗ trợ tiền thuê nhà:

Căn cứ Khoản 3, Điều 27 Nghị định số 197/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định: “Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở nào khác; trong thời gian chờ tạo lập lại chỗ ở mới (bố trí tái định cư) được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo xác nhận của UBND xã Lâm Sơn thì hộ ông Sầm H đã có nhà ở và đất sản xuất tại ấp 1 xã Lâm Sơn; Hội đồng bồi thường huyện Cẩm Mỹ không tính hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông H là đúng quy định.

- Về nội dung ông H khiếu nại bồi thường mật độ cây nhãn không đầy đủ:

Theo Biên bản đo đạc, kiểm kê tài sản ngày 26/5/2007, thể hiện số lượng cây trồng trên đất bị thu hồi của ông Sầm H có nhiều loại cây như: tiêu, điều, xoài, chuối, nhãn,.. trong đó số lượng cây nhãn là 504 cây (gồm: 20 cây loại A, 128 cây loại B, 350 cây loại C, 06 cây loại D). Hội đồng Bồi thường huyện Cẩm Mỹ tính toán lập phương án bồi thường cây nhãn cho ông Sầm H và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4607/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 phê duyệt phương án bồi thường hoa màu, cây trái cho hộ ông H, bao gồm cả 504 cây nhãn.

Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện, căn cứ Điều 5 Bảng Quy định về giá bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất được ban hành kèm theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 14/02/2005 của UBND tỉnh quy định: “Trong vườn cây có nhiều loại cây, số lượng cây được bồi thường trong mật độ quy định cho những loại cây có giá trị cao nhất, số lượng cây vượt quá mật độ quy định thì không được đền bù; Hội đồng Bồi thường huyện Cẩm Mỹ kiểm tra và phát hiện việc xác định mật độ cây nhãn đối với hộ ông H là không đúng quy định, nên đã tính toán chi trả tiền bồi thường cây nhãn (do điều chỉnh lại mật độ cây trồng

theo mật độ cây nhãn là 500 cây/ha) cho ông H và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo đó ông H không được bồi thường số lượng cây nhãn do vượt mật độ quy định (500 cây/ha) là 112 cây (gồm: 106 cây loại C; và 06 cây loại D).

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai của ông H đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đúng quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 được sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005.

Về thời hiệu khởi kiện:

Theo Biên bản công bố quyết định giải quyết khiếu nại do Thanh tra huyện Cẩm Mỹ lập lúc 08g20 phút ngày 02/12/2009, ông Sầm Hải đã ký nhận Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai đối với ông H. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày ông Sầm H nhận quyết định trên và như vậy ông H đã mất quyền khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm d Điều 157, khoản 1, khoản 3 Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí tòa án, Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

- Căn cứ Điều 39, Điều 44 Luật đất đai năm 2003, các Điều 6, 9, 10, 18, 19, 27, 28, 29, 30, 32, 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 Điều 63 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Luật khiếu nại tố cáo năm 1998 sửa đổi bổ sung các năm 2004, 2005; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/1/2007, Quyết định 28/2007/QĐ-UBND ngày 17/4/2007; Điều 18 Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 10/1/2007, Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Sầm H về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm: 1 phần Quyết định 4607/QĐ-UBND ngày 25/2/2007, 01 Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ do thu hồi đất có nội dung liên quan đối với hộ ông Sầm Hải; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ; Quyết định giải quyết khiếu nại số 377/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND ngày 6/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/5/2018, ông Sầm H và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Sầm H, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sầm H.

Luật sư Lê Minh Q trình bày: Khu đất này đã được hình thành từ năm 1986 và đến năm 1996 thì các hộ dân vào sinh sống. Trong 372 hộ giải tỏa thì có hơn 200 hộ được đền bù. Trên cơ sở xác định là vị trí 1 hay vị trí 3. Cụ thể là tại thông tư 145. Cũng nói trong trường hợp đất gần kênh rạch, vận chuyển thì phải được tính đền bù theo quy định. Ủy ban huyện Cẩm Mỹ chưa vận dụng đúng quy định, chỉ hỗ trợ gấp 5 lần là thiệt thòi. Nhà ông H cũng như một số hộ khác sử dụng đường vào khu đất đền bù để thực hiện việc vận chuyển phục vụ sản xuất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sầm H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo: Khi thu hồi đất UBND huyện Cẩm Mỹ đã bồi thường 993.000.000đ. Ông H yêu cầu nhận 30% đất khu dân cư xen kẽ là không đúng. Ủy ban Cẩm Mỹ ban hành quyết định nhận bổ sung là 58.000.000đ là đã có chiếu cố, phù hợp quy định pháp luật. Về bồi thường về cây trồng thì ông không yêu cầu. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Sầm H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 03/01/2012 ông Sầm H nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại TAND huyện Cẩm Mỹ. Ngày 02/2/2012, ông H nộp đơn khởi kiện sửa đổi bổ

sung theo đó khởi kiện yêu cầu xem xét tính hợp pháp của bảng chiết tính giá trị bồi thường. Ngày 15/02/2016, ông H nộp đơn khởi kiện bổ sung đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai. Như vậy, ông H nộp đơn khởi kiện còn trong thời hạn khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình ban hành các quyết định và khởi kiện:

[2.1.1] Ngày 04/7/2006 UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 6677/QĐ-UBND thu hồi 5.104.779,6m² đất tại các xã Lâm San, Sông Ray thuộc huyện Cẩm Mỹ để thực hiện dự án hồ chứa nước Sông Ray. Ngày 28/11/2007 UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành quyết định số 1285/QĐ-UBND thu hồi 24,585m² đất tại các thửa 207, 208, 209 tờ bản đồ 04 xã Lâm San, đang do hộ ông Sầm Hử dụng (trong đó 300m² đất ở nông thôn, còn lại là đất nông nghiệp). Ngày 25/12/2007 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 4607/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất đối với hộ ông Hải. Ngày 25/01/2008 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện phối hợp với Ngân hàng NN&TPNN chi nhánh Sông Ray, UBND xã Lâm San tiến hành chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ đợt 1 cho ông H. Ngày 12/9/2008, UBND huyện Cẩm Mỹ áp dụng mật độ cây nhãn 500 cây/ha, thanh toán bổ sung số tiền 6.650.000đ cho hộ ông Hải. Ngày 23/10/2008 UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định 3484/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ giá đất bổ sung cho hộ ông H, theo đó xác định toàn bộ đất trồng cây lâu năm vị trí 3, bổ sung thêm chính sách hộ đông nhân khẩu bồi thường bổ sung số tiền 197.137.000đ. Ngày 12/02/2009 ông H khiếu nại đến UBND huyện Cẩm Mỹ về mức bồi thường hỗ trợ yêu cầu các nội dung: Xác định đất nông nghiệp ở vị trí 1, hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, yêu cầu bồi thường cây trồng, vật kiến trúc theo giá năm 2008, yêu cầu hỗ trợ về tiền thuê nhà, xác định mật độ cây trồng trên đất (cây nhãn). Ngày 27/4/2009 Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông H. Do ông H tiếp tục khiếu nại, ngày 06/11/2009 chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông H. Ngày 19/10/2009 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3044/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 4607/QĐ-UBND về mật độ cây trồng trong đó có hộ ông H giảm số tiền bồi thường về cây trồng còn 172.917.000đ. Ngày 04/5/2012 ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 407/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án hồ chứa nước Sông Ray (quyết định tập thể) đối với hộ đủ điều kiện nhận hỗ trợ bổ sung 30% giá đất ở liền kề. Trên cơ sở Quyết định số 407/QĐ-UBND, ngày

07/5/2012 UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 7/5/2012 ban hành phê duyệt hỗ trợ bổ sung số tiền 58.500.000đ cho hộ ông H.

[2.1.2] Ông H cho rằng UBND huyện Cẩm Mỹ, UBND tỉnh Đồng Nai xác định vị trí đất ở nông thôn và đất nông nghiệp không đúng dẫn đến việc áp giá bồi thường không phù hợp; không hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư; mức hỗ trợ giá cây trồng không hợp lý; khi tính toán bồi thường hỗ trợ không đúng, nhưng Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo hướng bác khiếu nại là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình mình, nên ông H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này.

[2.1.3] Tại Biên bản làm việc ngày 03/5/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Diệp xác định ông H không khởi kiện đối với Quyết định thu hồi đất số 1285/QĐ-UBND ngày; 28/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, thống nhất với kết quả kiểm đếm của Hội đồng bồi thường huyện Cẩm Mỹ về diện tích đất bị thu hồi, số lượng, chủng loại tài sản trên đất gồm nhà ở, vật kiến trúc cũng như cây trồng trên đất.

[2.2] Xét thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định:

[2.2.1] Trên cơ sở Quyết định thu hồi đất số 6677/QĐ-UBND thu hồi 5.104.779,6m² đất tại các xã Lâm San, Sông Ray thuộc huyện Cẩm Mỹ để thực hiện dự án hồ chứa nước Sông Ray và Quyết định thu hồi đất số 1285/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của UBND huyện Cẩm Mỹ đối với hộ ông Sầm H, đã tiến hành việc kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại của hộ ông H, tờ trình của Sở Tài chính. Việc UBND tỉnh Đồng Nai ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất số 4607/QĐ-UBND ngày 25/02/2007, Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 23/10/2008, Quyết định số 3044/QĐ- UBND ngày 19/10/2009 điều chỉnh Quyết định số 4607/QĐ-UBND; UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Điều 18 Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 10/01/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Do có khiếu nại của ông H đối với mức bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất và đã tiến hành việc xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại nên việc Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 377/QĐ-UBND ngày 13/4/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 là đúng thẩm quyền,

đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Luật khiếu nại tố cáo năm 1998 sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005; Điều 63 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007.

[2.3] Xét nội dung các quyết định:

Quyết định 4607/QĐ-UBND ngày 25/2/2007, Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để thực hiện dự án hồ chứa nước Sông Ray, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành các Quyết định số 4607/QĐ-UBND ngày 25/02/2007, Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 23/10/2008, Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 19/10/2009; UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 04/5/2012, Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 07/5/2012. Theo đó đã bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Sầm Htông số tiền 993.545.000đ

Qua xem xét các lý do mà người khởi kiện nêu ra để yêu cầu hủy Các quyết định hành chính trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nội dung xác định vị trí đất ở: Tại phiên tòa bà Đ thừa nhận căn cứ các tiêu chí xác định vị trí đất ở nông thôn thì phần đất ở gia đình bà thu hồi thuộc vị trí 5. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 377/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ cũng đã nêu do mặt tiền đường đất 2m < và <4m theo quy định tại mục 1 Điều 4 Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai nên xác định đất ở của gia đình bà thuộc vị trí 5. Do nhất trí nên ông H không khiếu nại nội dung này đến Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

- Về nội dung đề nghị áp dụng hỗ trợ đất nông nghiệp xen lẫn khu dân cư:

Bà Đ thừa nhận nếu căn cứ vào vị trí thửa đất thì phân loại đất nông nghiệp bị thu hồi của hộ ông H được xác định vị trí 3 là đúng, tuy nhiên do thu hồi đất nông nghiệp xen lẫn khu dân cư nên phải áp dụng điểm d, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 để áp mức đền bù, hỗ trợ đất nông nghiệp theo vị trí 1.

Tại điểm 4 phần II Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ quy định: *“Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư phải là thửa đất trong khu dân cư”*.

Tại điểm 1, mục VII của Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/01/2008 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định

số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định “*Diện tích được hỗ trợ theo quy định là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp; đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc khu vực sâu trong phạm vi khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn mà ranh giới khu dân cư đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch khu dân cư nông thôn hoặc đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt...*”

Bà Đồng thừa nhận không có căn cứ nào thể hiện việc phần đất bị thu hồi của hộ ông H tại xã Lâm Sơn đã được cấp có thẩm quyền quy hoạch là khu dân cư, việc xác định thuộc khu dân cư căn cứ vào việc người dân ở tập trung, vào lịch sử hình thành huyện Cẩm Mỹ.

Áp dụng các quy định trên và căn cứ Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất số 1428/QĐ-UBND ngày 21/12/2001 của UBND huyện Xuân Lộc và Quyết định điều chỉnh quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng chi tiết số 02/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND huyện Cẩm Mỹ thì toàn bộ thửa đất số 207, 208, 209 tờ bản đồ 04 xã Lâm Sơn của ông H là đất nông nghiệp, không thuộc quy hoạch khu dân cư do đó chưa đủ điều kiện để xác định là đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư.

Đồng thời căn cứ biên bản xác định vị trí đất ngày 03/8/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Cẩm Mỹ, Thanh tra huyện Cẩm Mỹ (bút lục 290) thì việc UBND tỉnh Đồng Nai xác định thửa đất bị thu hồi của hộ ông H có vị trí đất ở nông thôn vị trí 5, đất nông nghiệp vị trí 3 là có căn cứ.

Từ lý do trên, việc UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ Quyết định số 95/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006, Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2007, 2008 áp mức giá bồi thường đất ở nông thôn vị trí 5 là 80.000đ/m² và đất nông nghiệp vị trí 3 là 25.000đ/m² đối với trường hợp hộ ông H là phù hợp.

Đối với yêu cầu của ông H về việc hỗ trợ bổ sung 30% đất nông nghiệp xen kẽ cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP:

Như đã phân tích ở trên, diện tích đất nông nghiệp của hộ ông H bị thu hồi không thuộc trường hợp đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư nên không được áp dụng phần hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.

Việc hộ ông H được nhận hỗ trợ theo mức 30% đất nông nghiệp xen kẽ đất ở theo Quyết định hỗ trợ bổ sung số 553/QĐ-UBND ngày 7/5/2012 là hỗ trợ khác mà Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ

đồng ý theo văn bản số 8825/VPCP-KNTN theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 197/2004. Do đó việc ông H yêu cầu hỗ trợ bổ sung 30% đất nông nghiệp xen kẽ cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi không có căn cứ chấp nhận.

Trên cơ sở Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung do thu hồi đất (tập thể), UBND huyện cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông H số tiền 58.500.000đ (tương đương 05 lần hạn mức đất ở) là đúng pháp luật do đó yêu cầu của ông H về việc hỗ trợ đối với toàn bộ thửa đất là không có căn cứ chấp nhận.

Về nội dung mức giá bồi thường cây trồng: do đất được thu hồi theo Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 28/11/2007 căn cứ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP thì mức bồi thường đối với cây lâu năm theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất. Do đó căn cứ bảng quy định đơn giá bồi thường hỗ trợ do UBND tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 15/2/2005 thì mức giá đền bù về cây trồng cho hộ ông Sầm Hải là đúng pháp luật.

Như vậy khi thực hiện đền bù, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất cho hộ ông Sầm H thì UBND tỉnh Đồng Nai, UBND huyện cẩm Mỹ đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 6, 9, 10, 18, 19, 27, 28, 29, 30, 32 Nghị định 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Việc ông H khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định hành chính nói trên là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 377/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của Chủ tịch UBND huyện cẩm Mỹ, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Như đã phân tích tại phần trên, do các Quyết định gồm: Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất số 4607/QĐ-UBND ngày 25/02/2007, Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung số 3484/QĐ-UBND, Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 19/10/2009 điều chỉnh Quyết định số 4607/QĐ-UBND về mật độ cây trồng của UBND tỉnh Đồng Nai, Quyết định hỗ trợ bổ sung số 553/QĐ-UBND của UBND huyện cẩm Mỹ được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, có nội dung phù hợp các quy định của pháp luật nên việc Chủ tịch UBND huyện cẩm Mỹ ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 13/4/2009, chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 bác khiếu nại của ông H liên quan đến mức đền bù, hỗ trợ do thu hồi đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và xét xử đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của ông Sầm H và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do ông Sầm H và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đều trên 60 tuổi. Tại phiên toà phúc thẩm bà Đ có ý kiến xin được miễn án phí được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, ông H, bà Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 39, Điều 44 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Luật khiếu nại tố cáo năm 1998 sửa đổi bổ sung các năm 2004, 2005;

Căn cứ các Điều 6, 9, 10, 18, 19, 27, 28, 29, 30, 32, 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004; Điều 63 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/1/2007, Quyết định 28/2007/QĐ-UBND ngày 17/4/2007; Điều 18 Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 10/1/2007, Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Sầm H và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 24/4/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Sầm H về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm: 1 phần Quyết định 4607/QĐ-UBND ngày 25/2/2007, 01 Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ do thu hồi đất có nội dung liên quan đối với hộ ông Sầm Hải; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của UBND huyện

Cẩm Mỹ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ; Quyết định giải quyết khiếu nại số 377/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3257/QĐ-UBND ngày 6/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Sầm H phải chịu 200.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 5982 ngày 09/2/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Sầm H và bà Nguyễn Thị Ngọc Được miễn. Trả lại cho ông H, bà Đ số tiền 600.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 001366 ngày 03/5/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự, đại diện đương sự ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh